TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2023
Về việc: "Xin ly hôn." .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Mai và bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Trần Trọng Khánh– Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27-10-2022, về việc: "Xin ly hôn, nuôi con chung ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 128 /2023/QĐST-DS, ngày 09 tháng 02 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Văn H, sinh năm 1971, có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn Nguyễn Thị S, sinh năm 1973, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 4 năm 2022, Nguyên đơn anh Lê Văn H có đơn xin vắng mặt tại nhưng tại bản khai anh H trình bày: Giữa anh với chị Nguyễn Thị S tự tìm hiểu trong thời gian và tự nguyện kết hôn đầu năm 1993, đăng ký kết hôn UBND xã P vào ngày 15-4-1993. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian 7-10 năm nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng kình cãi nhau chị S bỏ về phía nhà cha mẹ đẻ ở từ hơn 20 năm nay. Từ đó vợ chồng không hàn gắn, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Vì vậy nay anh H thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh xin ly hôn chị S.

Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên là Lê Rô B, sinh ngày 01-01-1994, hiện con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, nên anh không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh H không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tống đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn chị S vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của anh H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh H ly hôn với chị S. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên là Lê Rô B, sinh ngày 01-01-1994, hiện con đã trưởng thành nên đề nghị Tòa không xét. Về quan hệ tài sản chung: Anh H khai không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và bị đơn là chị Nguyễn Thị S cư trú tại Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chị S vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn H thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị S tự tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15-4-1993 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T nên hôn nhân giữa anh H và chị S là hợp pháp. Theo anh H khai trong thời gian sống chung vợ chồng anh thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau thì chị S bỏ về nhà cha mẹ vợ ở hơn 20 năm nay, vợ chồng anh không còn yêu thương nhau, nên anh H xin ly hôn chị S. Trong khi Tòa án tiến

hành niêm yết các thủ tục về việc xin ly hôn của anh H tại địa phương nơi chị S cư trú nhưng chị S vẫn không đến Tòa, cũng không có bản trình bày ý kiến. Điều này chứng tỏ chị S không mong muốn vun đắp cuộc hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của anh H và biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho anh H được ly hôn chị S.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh H, chị S có 01 con chung tên là Lê Rô B, sinh ngày 01-01-1994, hiện con đã trưởng thành nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Anh H khai không có tài sản chung, không có nợ chung, anh H không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 , khoản 2 Điều 227, khoản 1, Điều 228 BLTTDS; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Văn H ly hôn chị Nguyễn Thị S.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Anh H và chị S có 01 con chung tên là Lê Rô B, sinh ngày 01-01-1994, hiện con đã trưởng thành nên Tòa không xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc Anh H phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006461, ngày 24-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

-Các bên đương sự
-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng GĐKT TAND tỉnh Bình Định .
-UBND xã P
Số 42/Quyển 6, ngày 15-4-1993)
-Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy